

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2025

**TIN LŨ TRÊN SÔNG VU GIA - THU BỒN,
TIN CẢNH BÁO LŨ TRÊN SÔNG HÀN VÀ SÔNG TAM KỲ**

1. Hiện trạng:

Hiện nay, lũ trên sông Vu Gia - Thu Bồn đang dao động. Mức nước lúc 08h00 ngày 19/11/2025 trên các sông như sau:

- Sông Vu Gia tại Hội Khách ở mức: 13.35m- dưới mức BĐ1: 1.15m; tại Ái Nghĩa ở mức: 7.81m- dưới mức BĐ2: 0.19m;

- Sông Thu Bồn tại Nông Sơn ở mức: 13.18m- trên mức BĐ2: 0.18m; tại Giao Thủy ở mức: 6.35m- dưới mức BĐ1: 0.15m; tại Câu Lâu: 3.21m- trên BĐ2: 0.21m; tại Hội An ở mức: 1.67m- trên mức BĐ2: 0.17m;

- Sông Hàn tại Cẩm Lệ ở mức: 1.25m- trên mức BĐ1: 0.25m;

- Sông Tam Kỳ tại Tam Kỳ (TV) ở dưới mức BĐ1.

2. Dự báo:

Trong 24 giờ tới, lũ trên sông Vu Gia - Thu Bồn tiếp tục dao động ở mức BĐ1 đến BĐ2.

3. Cảnh báo:

Từ nay (19/11) đến ngày 20/11, Sông Hàn, sông Tam Kỳ khả năng xuất hiện một đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1 trên BĐ1.

Tình trạng ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, ngập úng tại các khu đô thị giảm dần.

Nguy cơ cao lũ quét, sạt lở đất trên các sườn dốc khu vực vùng núi thành phố Đà Nẵng.

(Các thông tin về khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất và ngập úng được ban hành trong các bản tin riêng cảnh báo lũ quét sạt lở đất và ngập úng cục bộ).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 2.

5. Cảnh báo tác động của lũ: Các sông xuất hiện lũ và ngập lụt nguy cơ thấp sẽ làm hư hỏng các công trình trên sông, ảnh hưởng đến diện tích ao hồ nuôi

trồng thủy sản, môi trường, dân sinh và các hoạt động kinh tế-xã hội.

Tin tiếp theo phát lúc: 15h30 ngày 19/11/2025

Tin phát lúc: 09h00.

Nơi nhận:

- VP UBND TP Đà Nẵng;
- BCH PTDS TP Đà Nẵng;
- Báo và PTTH TP Đà Nẵng;
- Sở NN&MT TP Đà Nẵng;
- Phòng QLDB và TTDL;
- Trung tâm TT&DL KTTV;
- Các Trạm KTTV TP Đà Nẵng;
- Lưu;

**TL. GIÁM ĐỐC
KT.TRƯỞNG PHÒNG DỰ BÁO KTTV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hải

Phụ lục 1: Dự báo quá trình mực nước trong 24 giờ tới

Đơn vị: m

Sông	Trạm	Yếu tố	Mực nước thực đo	Mực nước dự báo			
			08h/19	13h/19	19h/19	01h/20	07h/20
Vu Gia	Hội Khách	H	13.35	13.50	13.30	12.80	12.40
		So sánh	<BĐ1: 1.15	<BĐ1: 1.00	<BĐ1: 1.20	<BĐ1: 1.70	<BĐ1: 2.10
	Ái Nghĩa	H	7.81	8.00	7.80	7.50	7.00
		So sánh	<BĐ2: 0.19	=BĐ2	<BĐ2: 0.20	<BĐ2: 0.50	>BĐ1: 0.50
Thu Bồn	Nông Sơn	H	13.18	13.5	13.3	12.9	12.3
		So sánh	>BĐ2: 0.18	>BĐ2: 0.50	>BĐ2: 0.30	<BĐ2: 0.10	<BĐ2: 0.70
	Giao Thủy	H	6.35	6.70	6.40	6.00	5.60
		So sánh	<BĐ1: 0.15	>BĐ1: 0.20	<BĐ1: 0.10	<BĐ1: 0.50	<BĐ1: 0.90
	Câu Lâu	H	3.21	3.30	3.50	3.20	2.80
		So sánh	>BĐ2: 0.21	>BĐ2: 0.30	>BĐ2: 0.50	>BĐ2: 0.20	<BĐ2: 0.20
	Hội An	H	1.67	1.30	1.40	1.20	1.00
		So sánh	>BĐ2: 0.17	<BĐ2: 0.20	<BĐ2: 0.10	>BĐ1: 0.20	=BĐ1